

Số: 1232/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 07 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường
trên địa bàn tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 208/TTr-STNMT ngày 27/4/2018,

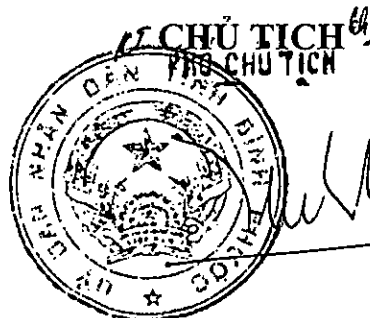
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT;
- Như Điều 2;
- LĐVP, Phòng KT, TH;
- Lưu: VT (47-QĐ-NN).



Nguyễn Anh Minh

Bình Phước, ngày 07 tháng 6 năm 2018

QUY ĐỊNH

**Một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1232/QĐ-UBND ngày 07/6/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

I. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Mức chi tại Quyết định này là căn cứ để lập dự toán nhiệm vụ, dự án, đề án, chương trình bảo vệ môi trường từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng:

Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

II. Mức chi:

1. Đối với các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
1	Lập nhiệm vụ, dự án			
1.1	Lập nhiệm vụ	Nhiệm vụ	1.500	
1.2	Lập dự án	Dự án	4.000	Tùy theo tính chất dự án
1.3	Lập dự án có tính chất như dự án đầu tư		Áp dụng theo quy định như nguồn vốn đầu tư	
2	Họp Hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có)			
2.1	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	400	Không tính chi họp Hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên
2.2	Thành viên, Thư ký	Người/buổi	300	
2.3	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	
2.4	Nhận xét đánh giá của Ủy viên phân biện	Bài viết	400	

2.5	Nhận xét đánh giá của Ủy viên Hội đồng	Bài viết	300	
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết)	Bài viết	400	Trường hợp không thành lập Hội đồng
4	Điều tra, khảo sát			
4.1	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	500	
4.2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			
	- Cá nhân	Phiếu	50	
	- Tổ chức	Phiếu	100	
4.3	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài)	Người/ngày công	Mức tiền công 01 người/ngày tối đa không quá 150% mức lương cơ sở tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)	
4.4	Chi cho người dẫn đường	Người/ngày	100	Chi áp dụng cho điều tra thuộc vùng núi cao, vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên
4.5	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	Người/ngày	200	
5	Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ			
	- Nhiệm vụ	Báo cáo	3.000-5.000	Tùy theo tính chất, quy mô của dự án, nhiệm vụ
	- Dự án	Báo cáo	10.000-13.000	
6	Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có)			
6.1	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	700	
6.2	Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có)	Người/buổi	600	
6.3	Ủy viên, Thư ký Hội đồng	Người/buổi	300	
6.4	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	
6.5	Bài nhận xét của Ủy viên phản biện	Bài viết	500	

6.6	Bài nhận xét của Ủy viên Hội đồng	Bài viết	300	
6.7	Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03)	Bài viết	400	
7	Hội thảo khoa học (nếu có)			
7.1	Người chủ trì	Người/buổi hội thảo	500	
7.2	Thư ký hội thảo	Người/buổi hội thảo	300	
7.3	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi hội thảo	150	
7.4	Báo cáo tham luận	Bài viết	350	
8	Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ			
8.1	Nghiệm thu nhiệm vụ			
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	400	
	- Thành viên, Thư ký	Người/buổi	200	
8.2	Nghiệm thu dự án			
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	700	
	- Thành viên, Thư ký Hội đồng	Người/buổi	400	
	- Nhận xét đánh giá của Ủy viên phản biện	Bài viết	500	
	- Nhận xét đánh giá của Ủy viên Hội đồng (nếu có)	Bài viết	400	
	- Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	
9	Chi giải thưởng môi trường			
	- Tổ chức		5.000-10.000	
	- Cá nhân		3.000-5.000	

2. Đối với hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường ở các Sở, ban, ngành và ở cấp huyện, cấp xã:

Thực hiện Công văn số 2361/UBND-NC ngày 19/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 của UBND tỉnh, không tiếp tục ký hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn tại các cơ quan, tổ chức hành chính. Do vậy, đối với nội dung chi này chỉ thực hiện khi được cơ quan có thẩm quyền giao. /.